

BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: KHOA HỌC ĐẤT

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TM94385: THỰC TẬP NGHỀ NGHIỆP (Excursion)

I. Thông tin về học phần

- Học kỳ: 07
- Tín chỉ: 10 (Lý thuyết: 0; Thực hành: 10; Tự học: 10,0)
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập:
 - + Học lý thuyết trên lớp: 03 tiết
 - + Thuyết trình và thảo luận trên lớp: 03 tiết
 - + Thực hành trong phòng thí nghiệm: 60 tiết
 - + Thực tập thực tế ngoài trường: 84 tiết
- Tự học: 150 tiết
- Đơn vị phụ trách:
 - Bộ môn: Khoa học đất và Dinh dưỡng cây trồng
 - Khoa: Tài nguyên và Môi trường
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương ☐		Cơ sở ngành ☐		Chuyên ngành ☒	
Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☐	Tự chọn ☐	Bắt buộc ☒	Tự chọn ☐

- Học phần học song hành: không
- Học phần tiên quyết: không
- Ngôn ngữ giảng dạy: tiếng Anh ☐ Tiếng Việt ☒

II. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và mục tiêu, kết quả học tập mong đợi của học phần

** Các chuẩn đầu ra và chỉ báo của chương trình đào tạo mà học phần đóng góp:*

Chuẩn đầu ra Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể:	Chỉ báo đánh giá việc thực hiện được chuẩn đầu ra
Kiến thức chuyên môn	
CDR2: Áp dụng kiến thức hóa phân tích, thổ nhưỡng và phương pháp nghiên cứu khoa học vào lĩnh vực Khoa học đất.	2.2: Áp dụng kiến thức thổ nhưỡng vào lĩnh vực sử dụng và cải tạo đất. 2.3. Áp dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học vào lĩnh vực Khoa học đất.
CDR3: Phân tích thành phần, tính	3.3. Phân tích mối quan hệ đất - nước - dinh dưỡng - cây

Chuẩn đầu ra Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể:	Chỉ báo đánh giá việc thực hiện được chuẩn đầu ra
chất và mối quan hệ giữa các hợp phần trong hệ sinh thái đất để thực hiện các nhiệm vụ của ngành khoa học đất, phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội.	trồng, tiềm năng đất đai để thực hiện mục tiêu phát triển nông nghiệp bền vững.
CĐR4: Đề xuất các giải pháp sử dụng, bảo vệ tài nguyên đất hợp lý, nâng cao hiệu quả sử dụng đất đáp ứng các yêu cầu về phát triển nông nghiệp bền vững.	4.1. Đề xuất các giải pháp sử dụng hiệu quả tài nguyên đất đáp ứng các yêu cầu về phát triển nông nghiệp bền vững. 4.2. Đề xuất các giải pháp bảo vệ và cải tạo tài nguyên đất phục vụ phát triển nông nghiệp bền vững.
Kỹ năng chung	
CĐR5: Giao tiếp đa phương tiện, đa văn hóa, sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin và ngoại ngữ trong lĩnh vực Khoa học đất.	5.1. Ứng xử phù hợp với các bên có liên quan trong môi trường làm việc chuyên nghiệp đa văn hóa, đa ngôn ngữ. 5.2. Sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin và các thiết bị đa phương tiện trong công việc chuyên môn.
Kỹ năng chuyên môn	
CĐR6: Triển khai hiệu quả hoạt động điều tra, thu thập, xử lý thông tin để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực Khoa học đất.	6.1. Triển khai hiệu quả hoạt động điều tra, thu thập thông tin trong việc nghiên cứu và giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực Khoa học đất. 6.2. Vận dụng hiệu quả kỹ năng xử lý thông tin phục vụ nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ trong lĩnh vực Khoa học đất.
CĐR7: Vận dụng thành thạo quy trình và thiết bị chuyên ngành phục vụ hiệu quả các hoạt động trong lĩnh vực Khoa học đất.	7.1. Thực hiện đúng các quy trình phân tích, thí nghiệm trong phòng và ngoài đồng ruộng phục vụ giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực khoa học đất. 7.2. Sử dụng thành thạo các thiết bị chuyên ngành phục vụ nghiên cứu và chuyển giao khoa học công nghệ trong lĩnh vực khoa học đất.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
CĐR8: Thích ứng làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm, có đạo đức nghề nghiệp, hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ và tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn thuộc lĩnh vực khoa học đất.	8.1. Thích ứng làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, có đạo đức nghề nghiệp, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm. 8.2. Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ chuyên môn ngành lĩnh vực khoa học đất. 8.3. Đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân thuộc lĩnh vực khoa học đất.
CĐR9: Thể hiện ý thức học tập suốt đời và tinh thần khởi nghiệp.	9.1. Thể hiện thói quen tự học, tự nghiên cứu, nâng cao trình độ chuyên môn.

* **Mục tiêu:** Học phần nhằm giúp người học đạt được:

- Về kiến thức: Học phần cung cấp cho người học kiến thức về cách thức xác định hiện trạng sử dụng đất; quy trình phân loại, xây dựng bản đồ đất tỷ lệ lớn; cách thức điều tra phỏng vấn nông hộ, thu thập số liệu, tài liệu.

- Về kỹ năng: Học phần rèn luyện cho người học kỹ năng đã ngoại, phân tích đất trong phòng thí nghiệm, biên tập và xây dựng bản đồ đất, viết báo cáo thuyết minh, báo cáo đợt thực tập giáo trình.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Hình thành, rèn luyện cho người học tinh thần thái độ học tập, làm quen với thực tiễn ngành, hoàn thiện kỹ năng giao tiếp xã hội. Trang bị tính tự chủ và trách nhiệm trong công việc.

*** Kết quả học tập mong đợi của học phần:**

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau:

I – Giới thiệu (Introduction); P – Thực hiện (Practice); R – Củng cố (Reinforce); M – Đạt được (Master)

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT							
TM94385	Thực tập nghề nghiệp	2.2	2.3	3.3	4.1	4.2	5.1	5.2	6.1
		R	R	R	R	R	M	P	M
		6.2	7.1	7.2	8.1	8.2	8.3	9.1	
		R	R	R	M	R	M	R	

Ký hiệu	KQHTMD của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được	Chỉ báo CDR của CTĐT
Kiến thức		
K1	Áp dụng kiến thức thổ nhưỡng vào lĩnh vực sử dụng và cải tạo đất.	2.2. Áp dụng kiến thức thổ nhưỡng vào lĩnh vực sử dụng và cải tạo đất.
K2	Áp dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học vào lĩnh vực Khoa học đất.	2.3. Áp dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học vào lĩnh vực Khoa học đất.
K3	Phân tích mối quan hệ đất - nước - dinh dưỡng - cây trồng, tiềm năng đất đai để thực hiện mục tiêu phát triển nông nghiệp bền vững.	3.3. Phân tích mối quan hệ đất - nước - dinh dưỡng - cây trồng, tiềm năng đất đai để thực hiện mục tiêu phát triển nông nghiệp bền vững.
K4	Đề xuất các giải pháp sử dụng hiệu quả tài nguyên đất đáp ứng các yêu cầu về phát triển nông nghiệp bền vững.	4.1. Đề xuất các giải pháp sử dụng hiệu quả tài nguyên đất đáp ứng các yêu cầu về phát triển nông nghiệp bền vững.
K5	Đề xuất các giải pháp bảo vệ và cải tạo tài nguyên đất phục vụ phát triển nông nghiệp bền vững	4.2. Đề xuất các giải pháp bảo vệ và cải tạo tài nguyên đất phục vụ phát triển nông nghiệp bền vững.
K6	Ứng xử phù hợp với các bên có liên quan trong môi trường làm việc chuyên nghiệp đa văn hóa, đa ngôn ngữ.	5.1. Ứng xử phù hợp với các bên có liên quan trong môi trường làm việc chuyên nghiệp đa văn hóa, đa ngôn ngữ.
K7	Sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin và các thiết bị đa phương tiện trong công việc chuyên môn.	5.2. Sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin và các thiết bị đa phương tiện trong công việc chuyên môn.
Kỹ năng		
K8	Triển khai hiệu quả hoạt động điều tra, thu thập thông tin trong việc nghiên cứu và giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực Khoa học đất.	6.1. Triển khai hiệu quả hoạt động điều tra, thu thập thông tin trong việc nghiên cứu và giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực Khoa học đất.

K9	Vận dụng hiệu quả kỹ năng xử lý thông tin phục vụ nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ trong lĩnh vực Khoa học đất.	6.2. Vận dụng hiệu quả kỹ năng xử lý thông tin phục vụ nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ trong lĩnh vực Khoa học đất.
K10	Thực hiện đúng các quy trình phân tích, thí nghiệm trong phòng và ngoài đồng ruộng phục vụ giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực khoa học đất.	7.1. Thực hiện đúng các quy trình phân tích, thí nghiệm trong phòng và ngoài đồng ruộng phục vụ giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực khoa học đất.
K11	Sử dụng thành thạo các thiết bị chuyên ngành phục vụ nghiên cứu và chuyển giao khoa học công nghệ trong lĩnh vực khoa học đất.	7.2. Sử dụng thành thạo các thiết bị chuyên ngành phục vụ nghiên cứu và chuyển giao khoa học công nghệ trong lĩnh vực khoa học đất.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
K12	Thích ứng làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, có đạo đức nghề nghiệp, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.	8.1. Thích ứng làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, có đạo đức nghề nghiệp, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.
K13	Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ chuyên môn ngành lĩnh vực khoa học đất.	8.2. Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ chuyên môn ngành lĩnh vực khoa học đất.
K14	Đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân thuộc lĩnh vực khoa học đất.	8.3. Đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân thuộc lĩnh vực khoa học đất.
K15	Thể hiện thói quen tự học, tự nghiên cứu, nâng cao trình độ chuyên môn.	9.1. Thể hiện thói quen tự học, tự nghiên cứu, nâng cao trình độ chuyên môn.

III. Nội dung tóm tắt của học phần

TM94385. Thực tập nghề nghiệp II (Excursion). (10: 0,4 – 9,6 – 10).

Mô tả vắn tắt nội dung: Học phần gồm các nội dung: Quan sát, xác định các dạng địa hình. Điều tra hiện trạng sử dụng đất, đánh giá hiệu quả các loại sử dụng đất. Đào, mô tả các phẫu diện đất, nhận biết các loại đất. Tham quan và học tập các mô hình sử dụng đất bền vững.

IV. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

- Thuyết giảng
- Tham quan, dã ngoại
- Sử dụng các công trình nghiên cứu trong giảng dạy
- Thảo luận, thuyết trình theo nhóm.
- Hướng dẫn làm bài thực hành.

2. Phương pháp học tập

- Sinh viên tự đọc tài liệu liên quan đến nội dung bài học (giáo trình, bài giảng)
- Sinh viên chủ động thu nhận thông tin để hiểu và nắm vững các nội dung bài học.

- Sinh viên tham quan, dã ngoại, điều tra thực địa.
- Sinh viên tham gia nghe giảng, thảo luận trên lớp, làm bài thực hành, trao đổi với giảng viên theo yêu cầu của nội dung bài học.
- Sinh viên tự đọc tài liệu liên quan đến nội dung bài học (giáo trình, bài giảng, các tài liệu chuyên ngành), chủ động thu nhận thông tin để hiểu và nắm vững các nội dung bài học.

V. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Quan sát: Khảo sát thực địa, quan sát các dạng địa hình, phẫu diện đất, điều tra hiện trạng sử dụng đất, điều tra các loại sử dụng đất, tham quan các mô hình sử dụng đất.
- Thực hành: Đào, mô tả phẫu diện, lấy mẫu đất, phân tích đất, nhận biết các loại đất. Điều tra phòng văn nông hộ, tính hiệu quả của các loại/kiểu sử dụng đất.
- Viết báo cáo: Viết báo cáo thuyết minh thực tập nghề nghiệp.

VI. Đánh giá và cho điểm

1. Thang điểm: 10

2. Điểm trung bình của học phần là tổng điểm của các rubric nhân với trọng số tương ứng của từng rubric

3. Phương pháp đánh giá

Bảng 1: Kế hoạch đánh giá và trọng số

Hoạt động đánh giá	KQHTMD được đánh giá	Trọng số (%)	Thời gian/Tuần học
<i>Đánh giá chuyên cần</i>	K15	10	1-15
<i>Thực tập/thực tế ngoài trường</i>	K1, K2, K3, K4, K5, K6, K7, K8, K9, K10, K11, K12, K13, K14, K15	30	2-10
<i>Báo cáo thuyết trình</i>	K1, K2, K3, K4, K5, K6, K7, K8, K9, K10, K11, K12, K13, K14, K15	60	15

Rubric 1: Đánh giá chuyên cần (tham dự lớp)

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm
Thái độ tham dự	50	Luôn chú ý và tham gia phát biểu ý kiến xây dựng bài	Khá chú ý, có tham gia phát biểu ý kiến	Có chú ý, ít tham gia phát biểu ý kiến; có biểu hiện làm việc riêng trong giờ học	Không chú ý/không tham gia xây dựng bài; làm việc riêng, nói chuyện trong giờ học
Thời gian tham dự	50	Điểm chuyên cần được trừ theo số buổi nghỉ học không lý do: Vắng buổi học trừ 10 điểm chuyên cần. Nếu nghỉ có lý do theo quy định, sinh viên được nghỉ học không quá số tiết quy định và không bị trừ điểm chuyên cần.			

Rubric 2: Đánh giá thực tập/thực tế ngoài trường

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm
Thái độ tham dự	30	Rất chăm chú nghe giảng và ghi chép đầy đủ; tuân thủ đúng hướng dẫn, tự giác học tập.	Khá chăm chú nghe giảng và có ghi chép; tuân thủ đúng hướng dẫn, tự giác học tập.	Ít chăm chú nghe giảng, ghi chép ít; thực hiện chưa đầy đủ theo hướng dẫn.	Không chăm chú nghe giảng, mất trật tự, làm việc riêng; không tự giác làm bài; thực hiện không đúng hướng dẫn; copy bài của người khác.
Kết quả thu thập tài liệu, xử lý số liệu	70	Thu thập đầy đủ tài liệu, số liệu. Xử lý số liệu làm đúng 100% theo hướng dẫn	Thu thập đầy đủ tài liệu, số liệu. Làm đúng 75% theo hướng dẫn	Thu thập đầy đủ tài liệu, số liệu. Làm đúng 50% theo hướng dẫn	Thu thập không đầy đủ tài liệu, số liệu. Làm sai hoàn toàn so với hướng dẫn.

Rubric 3: Đánh giá báo cáo thuyết trình (Tự luận)

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm
Hình thức trình bày	20	Trình bày sạch sẽ, đầy đủ thông tin về sinh viên	Trình bày sạch sẽ, thiếu một số thông tin về sinh viên	Trình bày còn tẩy xóa, thiếu thông tin quan trọng về sinh viên	Trình bày tẩy xóa nhiều, không ghi thông tin về sinh viên
Báo cáo bài tập	80	Trình bày sạch sẽ, đầy đủ thông tin về sinh viên trên bài tập. Đúng format và đúng hạn. Làm đúng 100% kiến thức theo hướng dẫn.	Trình bày sạch sẽ, thiếu một số thông tin về sinh viên trên bài tập. Làm đúng format nhưng trình bày có tẩy xóa. Làm đúng 75% kiến thức theo hướng dẫn.	Trình bày còn tẩy xóa, thiếu thông tin quan trọng về sinh viên trên bài tập. Không làm đúng format, tẩy xóa nhiều. Làm đúng 50% kiến thức theo hướng dẫn.	Trình bày cẩu thả, tẩy xóa nhiều, không ghi thông tin sinh viên và thông tin bài tập. Nộp bài không đúng hạn và không đúng format. Làm sai hoàn toàn so với hướng dẫn.

4. Các yêu cầu, quy định đối với học phần

- Các trường hợp không được báo cáo tổng kết học phần và nhận điểm 0 tổng kết học phần: (1) sinh viên không tham dự đủ số buổi lên lớp lý thuyết theo quy định; (2) sinh viên không tham gia thực tập giáo trình.
- Nộp báo cáo muộn: Tất cả các trường hợp nộp bài báo cáo tổng kết muộn đều không được chấp nhận, bị điểm 0 cho học phần.
- Tham dự báo cáo tổng kết: Sinh viên không tham gia buổi báo cáo tổng kết sẽ bị nhận điểm 0.

- *Yêu cầu về đạo đức*: Có thái độ nghiêm túc, tôn trọng giảng viên; các trường hợp quay cóp bài báo cáo tổng kết sẽ bị điểm 0.

VII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Hữu Thành và nnk (2017). Giáo trình Thổ nhưỡng, NXB Đại học Nông nghiệp, Hà Nội.
2. Nguyễn Hữu Thành, Trần Thị Lệ Hà và Cao Việt Hà (2006). Giáo trình thực tập thổ nhưỡng, NXB Nông nghiệp, Hà Nội.
3. Đào Châu Thu và Nguyễn Khang (1998). Đánh giá đất. NXB Nông nghiệp, Hà Nội.
4. Nguyễn Hữu Thành (2014). Bài giảng phân tích Đất, Nước.
5. Hoàng Văn Mùa và Đỗ Nguyên Hải (2006). Giáo trình Phân loại và xây dựng bản đồ đất. NXB Nông nghiệp, Hà Nội.
6. Hội Khoa học đất Việt Nam (2015). Sổ tay điều tra, phân loại, lập bản đồ đất và đánh giá đất đai. NXB Nông nghiệp, Hà Nội
7. Hội Khoa học Đất Việt Nam (2000). Đất Việt Nam. NXB Nông nghiệp, Hà Nội.

VIII. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung	KQHTMD của học phần
1	Phần 1: Tập huấn	
	A/ Các nội dung chính trên lớp: (3 tiết) Nội dung GD lý thuyết: 1.1. Giới thiệu về học phần 1.1.1. Hệ thống lại kiến thức về Thổ nhưỡng và Phân loại đất 1.1.2. Hệ thống lại kiến thức về Phân tích đất, nước 1.1.3. Hệ thống lại kiến thức về Đánh giá đất 1.2. Xây dựng kế hoạch và tuyến điều tra 1.3. Hướng dẫn cách thức điều tra, dã ngoại, phỏng vấn nông hộ	K1, K2, K3, K4, K5, K6, K7
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 tiết) Sinh viên ôn tập lại các kiến thức của các môn Phân loại và xây dựng bản đồ đất, Phân tích đất, nước và Đánh giá đất	K1, K2, K3, K4, K5, K6, K7
2 - 4	Phần 2: Tham quan, điều tra, dã ngoại, nội nghiệp	
	A/ Tóm tắt các nội dung chính: (144 tiết) 2.1. Điều tra, thu thập số liệu, tài liệu 2.2. Tham quan, dã ngoại theo các tuyến lát cắt xác định các nội dung về địa hình và tham quan các mô hình sử dụng đất 2.3. Điều tra, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, phỏng vấn nông hộ, điều tra, đánh giá hiệu quả sử dụng đất 2.4. Điều tra dã ngoại, đào, mô tả phẫu diện, lấy mẫu đất 2.5. Xử lý mẫu và phân tích mẫu đất 2.6. Nhận biết các loại đất và hoàn thiện báo cáo thuyết trình	K1, K2, K3, K4, K5, K6, K7, K8, K9, K10, K11, K12, K13, K14, K15
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: (288 tiết) Các nội dung chính của các môn học Phân loại đất, Phân tích đất, nước và Đánh giá đất	K1, K2, K3, K4, K5, K6, K7, K8, K9,

		K10, K11, K12, K13, K14, K15
4	Phần 3: Báo cáo thuyết trình	
	A/ Tóm tắt các nội dung chính trên lớp: (3 tiết) 3.1. Báo cáo thuyết trình kết quả Thực tập giáo trình 3.2. Các nhóm thảo luận 3.3. Tổng kết	K1, K2, K3, K4, K5, K6, K7, K8, K9, K10, K11, K12, K13, K14, K15
	B/Các nội dung cần tự học ở nhà: (6 tiết) Các nội dung chính của bài thuyết trình	K1, K2, K3, K4, K5, K6, K7, K8, K9, K10, K11, K12, K13, K14, K15

IX. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần:

- Phòng học: Thoáng mát vào mùa hè, ấm áp vào mùa đông, đủ ánh sáng, hạn chế tiếng ồn bên ngoài.
- Phòng thực hành: có đầy đủ trang thiết bị phân tích (cân kỹ thuật và cân phân tích; máy đo pH, máy cất nước; 4-5 bộ chuẩn độ; máy lắc; tủ hút ẩm; bếp điện; bộ thiết bị lấy mẫu dung trọng; các dụng cụ thủy tinh đủ dùng cho nhóm sinh viên và các trang thiết bị khác như bàn ghế, tủ hút, hệ thống điện...)
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: bảng phấn đầy đủ, projector hoạt động tốt (rõ nét), hệ thống loa và micro hoạt động tốt.
- Các phương tiện khác: Mạng internet (mạng dây và wifi) hoạt động tốt.
- E-learning: phần mềm dạy trực tuyến MS Teams, máy tính, hệ thống máy chủ và hạ tầng kết nối mạng Internet với băng thông đáp ứng nhu cầu người dùng, không dễ xảy ra nghẽn mạng hay quá tải. Phòng học trực tuyến đầy đủ ánh sáng, cách âm tốt, thông thoáng, ngăn nắp, gọn gàng, sạch sẽ.

Hà Nội, ngày.....tháng 7 năm 2024



GS.TS. Phạm Văn Cường

TRƯỞNG KHOA

PGS.TS. Trần Trọng Phương

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

PGS.TS. Trần Quốc Vinh

PHỤ LỤC
THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Luyện Hữu Cử	Học hàm, học vị: Tiến sĩ
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn Khoa học đất, Khoa Quản lý đất đai, Học viện Nông nghiệp Việt Nam, thị trấn Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	Điện thoại liên hệ: 0936362628
Email: luynhuucu@vnua.edu.vn	Trang web: http://tnmt.vnua.edu.vn/en/khd.html
Cách liên lạc với giảng viên: thông qua điện thoại, email, gặp trực tiếp	

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Cao Việt Hà	Học hàm, học vị: Phó giáo sư, Tiến sĩ
Địa chỉ cơ quan: Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	Điện thoại liên hệ: 0982.170.098
Email: cvha@vnua.edu.vn	Trang web: http://tnmt.vnua.edu.vn/en/tn-khd.html
Cách liên lạc với giảng viên: thông qua điện thoại, email, gặp trực tiếp	

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Phan Quốc Hưng	Học hàm, học vị: Phó giáo sư, Tiến sĩ
Địa chỉ cơ quan: Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	Điện thoại liên hệ: 0934.504.359
Email: phanhung68@gmail.com	Trang web: http://tnmt.vnua.edu.vn/en/tn-khd.html
Cách liên lạc với giảng viên: thông qua điện thoại, email, gặp trực tiếp	

CÁC LẦN CẢI TIẾN
(Đề cương được cải tiến hàng năm theo qui định của Học viện)

Lần 1- (Tháng 7/2024): Cải tiến chương trình đào tạo. Chính sửa chuẩn đầu ra của học phần và mức độ đóng góp của học phần cho CĐR CTĐT. Cập nhật nội dung học phần, phương pháp đánh giá, tài liệu tham khảo.

